BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 163 /QĐ-ĐHKTQD ngày16 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION): ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR - CODE): 52620115

MÃ CHUYÊN NGÀNH (SPECIALITY - CODE):

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): VLVH (PART - TIME)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khoẻ tốt, có trách nhiệm với xã hội; có nền kiến thức rộng về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kinh tế và quản lý nông nghiệp; có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng tự học tập để bổ sung và hoàn thiện kiến thức đáp ứng đòi hỏi của công việc chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1.Về kiến thức: Cử nhân đại học chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý nông nghiệp, xây dựng chính sách, quy hoạch và đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; kiến thức về thị trường và tổ chức kinh doanh ngành hàng nông sản gắn với khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

1.2.2.Về kỹ năng:

Cử nhân đại học chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn có kỹ năng tổ chức công việc theo nhóm; có năng lực phân tích, đánh giá, hoạch định và giám sát thực hiện các chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn; lập quy hoạch và xây dựng dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; phân tích thị trường và tổ chức sản xuất - kinh doanh các ngành hàng nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường và phát triển bền vững.

.1.2.3.Về thái độ: Cử nhân đại học chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn có phẩm chất đạo đức tốt, biết sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân, có tư cách đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật lao động, có sự thích ứng với môi trường làm việc biến động, có tinh thần hợp tác tập thể, có tinh thần tự học hỏi và học tập không ngừng để nâng cao trình độ.

1.2.4.Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Cử nhân đại học chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thể đảm nhiệm công việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân các cấp từ trung ương đến địa phương; trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh nông nghiệp; trong các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học,

cao đẳng đào tạo về kinh tế, quản lý và kinh doanh nông nghiệp; trong các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động hỗ trợ giảm nghèo, phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn; và trong các tổ chức khác có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

1.2.5.Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt trình độ về ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Kiến thức tin học căn bản, ứng dụng thành thạo các phần mềm của Microsoft Office và các phần mềm chuyên dụng phục vụ chuyên môn quản lý và kinh doanh trong môi trường intenet.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	4 năm
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	**130 tín chỉ**
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo học chế tín chỉ, tích luỹ đủ số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo.
6. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (không kể GDTC và GDQP):	**44** tín chỉ
7.1.1. Kiến thức bắt buộc:	29 tín chỉ
7.1.2. Kiến thức lựa chọn chung của Trường:	12 tín chỉ
7.1.3. Kiến thức lựa chọn:	3 tín chỉ
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	**86** tín chỉ
7.2.1. Kiến thức bắt buộc của Trường:	6 tín chỉ
7.2.2. Kiến thức chung của ngành:	30 tín chỉ
7.2.3. Kiến thức lựa chọn của ngành:	13 tín chỉ
7.2.4. Kiến thức chuyên ngành:	27 tín chỉ
7.2.5. Chuyên đề thực tập:	10 tín chỉ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT		NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MÃ BM	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ						
					1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số tín chỉ			**130**							
	Kiến thức giáo dục đại cương			**44**							
	Kiến thức bắt buộc			***29***							
1	1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 Principles of Maxism-Leninism 1	LLNL	2	2						
2	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 Principles of Maxism-Leninism 2	LLNL	3		3					
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT	2		2					
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Political Revolution Roadmap of the Communist Party of Vietnam	LLDL	3		3					
5	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	Sinh viên tự tích lũy và nộp chứng chỉ theo quy định						
6	6	Toán cho các nhà kinh tế 1 Mathematics for Economics 1	TOCB	2	2						
7	7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1 Probability and Mathematical Statistics 1	TOKT	3			3				
8	8	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS	2	2						
9	9	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT	3	Sinh viên tự tích lũy và nộp chứng chỉ theo quy định						
	Kiến thức bắt buộc của Trường			***12***							
10	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI	3	3						
11	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA	3		3					
12	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT	3			3				
13	4	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH	3			3				
	Kiến thức lựa chọn ***(Sinh viên chon 1 học phần trong tổ hợp)***			**3**							
14	1	Toán cho các nhà kinh tế 2 Mathematics for Economics 2	TOCB	3		3					
		Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT								
		Xã hội học Sociology	NLXH								
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**86**							
	Kiến thức bắt buộc của Trường			***6***							
15	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT	3			3				

16	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE	3				3			
	Kiến thức chung của ngành			***30***							
17	1	Kinh tế phát triển 1 Development Economics 1	PTKT	3				3			
18	2	Kinh tế quốc tế 1 International Economics 1	TMKQ	3				3			
19	3	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT	3				3			
20	4	Nguyên lý thống kê Principle of Statistics	TKKT	3			3				
21	5	Kinh tế tài nguyên 1 Economics of Natural Resources 1	TNKT	3				3			
22	6	Kinh tế nông thôn Rural Economics	TNKT	3					3		
23	7	Kinh tế nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	TNKT	3				3			
24	8	Quản trị kinh doanh nông nghiệp 1 Agricultural Business Management 1	TNKT	3					3		
25	9	Phân tích chính sách nông nghệp nông thôn Analysis of ruraland Agricultural Policy	TNKT	3						3	
26	10	Quy hoạch phát triển nông nghiệp Agricultural Development Planning	TNKT	3						3	
	Kiến thức lựa chọn của ngành ***(SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)***			***13***							
27	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT	3			3				
		Quản lý công nghệ Management of Technology	QLCN								
		Marketing căn bản Principle of Marketing	MKMA								
28	2	Tiếng Anh ngành Kinh tế nông nghiệp English for Agricultural Economic	TNKT	2					2		
		Dân số và Phát triển Population and Development	NLDS								
29	1	Lịch sử kinh tế Economic History	KHEH	2				2			
		Kinh tế Việt Nam Vietnam’s Economy	KHEH								
		Địa lý kinh tế Economic Geography	MTKT								
30	2	Kinh tế nguồn nhân lực Hunman Resource Managenment	NLKT	2					2		
		Kinh tế bảo hiểm Insurance Economics	BHKT								

		Kinh tế đất và bất động sản Land and Real estate Economiccs	TNDC									
31	3	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT	2					2			
		Kinh tế và quản lý công nghiệp Industrial Economics and Management	QTKD									
		Kinh tế thương mại Trade Economics	TMKT									
32	4	Công nghệ trồng trọt Cultivating technology	TNKT	2					2			
		Công nghệ chăn nuôi Breeding technology	TNKT									
		Cơ khí và công nghệ sau thu hoạch Agricultural Mechanics & Post-Harvest Technology	TNKT									
	Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành			***21***								
33	1	Đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn Investment in Agricultural and Rural Development	TNKT	3								3
34	2	Quản lý tài nguyên 1 Management of Natural Resources 1	TNKT	3							3	
35	3	Kinh tế nông nghiệp 2 Agricultural Economics 2	TNKT	3								3
36	4	Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (Chuyên đề) Strategy for Agriculture and Rural development	TNKT	3								3
37	5	Giám sát đánh giá chương trình, dự án phát triển NN-NT Monitoring & Evalution on Agricultural and Rural Development Projects	TNKT	3								3
38	6	Quy hoạch phát triển nông thôn Rural Development Planling	TNKT	3							3	
39	7	Thị trường nông sản thế giới World agriculturl narkets	TNKT	3							3	
	Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành ***(SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)***			***6***								
40	1	Kinh tế và quản lý phát triển cộng đồng Community Development Economics and Management	TNKT	2					2			
		Kinh tế tài nguyên nước Economics of Water Resources	TNKT									
		Kinh tế năng lượng Energy Economcs	TNKT									
41	2	Tổ chức và phân tích ngành hàng nông sản Agricultural supply chain organization and analysis	TNKT	2					2			
		Marketing Nông nghiệp Agricultural Marketing	MKMA									
		Sinh thái học và phát triển bền vững Ecology and Sustainable Development	TNKT									

42	3	Quản trị kinh doanh nông nghiệp 2 Agricultural Business Management 2	TNKT	2						2	
		Quản lý tài nguyên 2 Natural Resources Management 2	TNKT								
		Quản lý phát triển kinh tế địa phương Managing Local Economic Development	QLKT								
43	***Chuyên đề thực tập*** ***Internship Programme***		TNKT	***10***							
	Tổng số tín chỉ bố trí cho các học kỳ				***9***	***14***	***18***	***20***	***18***	***17***	***12***

TRƯỞNG KHOA **BĐS VÀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN**	**TRƯỞNG KHOA ĐH TẠI CHỨC**	**HIỆU TRƯỞNG**
Đã ký	**Đã ký**	**Đã ký**
PGS.TS Vũ Thị Minh	**PGS.TS Phạm Quang**	**GS.TS Trần Thọ Đạt**